TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2023/HNST
Ngày: 23-3-2023
V/v tranh chấp"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Cúc

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Tám

- Ông Đặng Song Hoàn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Thủy, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 848/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp"Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Tuấn M, sinh năm 1950 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, Phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1957 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, Phường A, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

1.Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai nguyên đơn ông Trần Tuấn M trình bày :

Về hôn nhân: Ông Trần Tuấn M và bà Trần Thị Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Vũ T, tỉnh T vào ngày 04-4-1980, hôn nhân đúng pháp luật.Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu chăm sóc nhau, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn. Nay ông M xét thấy khả năng đoàn tụ là không thể, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Đ.

Về con chung: Ông Trần Tuấn M và bà Trần Thị Đ có 02 (hai) con chung tên là Trần Long H, sinh năm 1981 và Trần Thu H, sinh năm 1982, đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai bà Trần Thị Đ trình bày:

Về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, bà Đ đồng ý với lời trình bày của ông M. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M xúc phạm danh dự nhân phẩm, đe dọa tính mạng bà nên bà không còn tình cảm với ông M. Nay ông M xin ly hôn, bà đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Trần Tuấn M, có đơn khởi kiện“ Ly hôn” với bà Trần Thị Đ, bà Đ có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ yêu cầu bà Trần Thị Đ đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử.Tuy nhiên, bà Đ vẫn vắng mặt.Tại phiên tòa, ông M và bà Đ đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông M và bà Đ.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Tuấn M và bà Trần Thị Đ là hợp pháp đúng quy định pháp luật.

Quá trình chung sống, ông M và bà Đ phát sinh mâu thuẫn là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Đ đến làm việc tạo điều kiện cho hai bên hòa giải để hàn gắn cuộc sống vợ chồng nhưng bà Đ vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện bà Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không thể hiện thiện chí đoàn tụ và tại bản tự khai bà Đ xác nhận giữa bà và ông M có mâu thuẫn, bà đồng ý ly hôn. Như vậy khả năng hàn gắn tình cảm giữa ông M và bà Đ là không thể thực hiện được, tình trạng mâu thuẫn đã có, mục đích hôn nhân không đạt, nên yêu cầu xin ly hôn của ông M là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Tuấn M đối với bà Trần Thị Đ.

[3].Về con chung: Ông Trần Tuấn M và bà Trần Thị Đ có 02 (hai) con chung tên là Trần Long H, sinh năm 1981 và Trần Thu H, sinh năm 1982, đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường, ông M và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Trần Tuấn M thuộc trường hợp miễn án phí.

Từ những nhận định trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 39, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn M.

1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tuấn M được ly hôn với bà Trần Thị Đ.

2.Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4.Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Tuấn M thuộc trường hợp miễn án phí.

6.Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND tp. Vũng Tàu;
- THADS tp. Vũng Tàu;
-UBND xã C,
huyện V, tỉnh T ;
- Các đương sự;
-Lưu hs vụ án.

TM. HỘI DỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Cúc